

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ VĂN HÁN**

Số: 299 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn Hán, ngày 09 tháng 08 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã Văn Hán năm 2022 được hội đồng nhân dân xã phê chuẩn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 168 /NQ - HĐND ngày 20 /7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Văn Hán khóa XXI nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2022;*

*Theo đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác năm 2022 được hội đồng nhân dân xã phê chuẩn (theo các biểu số 116,117,118, 119, 120/CK-NSNN kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Hình thức công khai: Hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền thanh của xã

**Điều 3.** Văn phòng HĐND và UBND, Kế toán ngân sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy- HĐND - UBND xã;
- Trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.



**Nguyễn Xuân Hiền**

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
<b>Tổng số thu</b>	<b>15.277.941</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>15.218.092</b>
<b>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	<b>181.146</b>	I. Chi đầu tư phát triển	5.897.831
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm</b>	<b>136.438</b>	II. Chi thường xuyên	6.165.195
<b>III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách xã (nếu có)</b>	<b>402.836</b>	III. Chi chuyển nguồn ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.124.961
<b>IV. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>93.021</b>	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	30.105
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>14.464.501</b>		
Bổ sung cân đối ngân sách	5.174.000		
Bprp sung có mục tiêu	9.290.501		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>59.849</b>		

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)  
Năm 2022



Đơn vị tính: nghìn đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>5.624.000</b>	<b>5.475.000</b>	<b>15.496.591</b>	<b>15.277.941</b>	<b>275,54</b>	<b>279,05</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>158.000</b>	<b>158.000</b>	<b>181.483</b>	<b>181.146</b>	<b>114,86</b>	<b>114,65</b>
- Phí, lệ phí	73.000	73.000	73.748	73.748	101,02	101,02
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	85.000	85.000	107.735	107.398	126,75	126,35
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>292.000</b>	<b>143.000</b>	<b>354.751</b>	<b>136.438</b>	<b>121,49</b>	<b>95,41</b>
1. Các khoản thu phân chia	33.000	23.000	72.803	44.110	220,61	191,78
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			617	617		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13.000	13.000	14.800	14.800	113,85	113,85
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000	10.000	57.385	28.693	286,93	286,93
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	259.000	120.000	281.948	92.328	108,86	76,94
- Thuế giá trị gia tăng	120.000	120.000	92.328	92.328	76,94	76,94
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	139.000		189.620		136,42	
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>402.836</b>	<b>402.836</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>93.021</b>	<b>93.021</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.174.000</b>	<b>5.174.000</b>	<b>14.464.501</b>	<b>14.464.501</b>	<b>279,56</b>	<b>279,56</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.174.000	5.174.000	5.174.000	5.174.000	100,00	100,00
- Bổ sung có mục tiêu			9.290.501	9.290.501		



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)  
Năm 2022

Biểu số 118/CK TC-NSNN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			Đơn vị tính: nghìn đồng		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	So sánh (%)		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>14.869.800</b>	<b>6.906.000</b>	<b>7.963.800</b>	<b>12.063.026</b>	<b>5.897.831</b>	<b>6.165.195</b>	<b>81,12</b>	<b>85,4</b>	<b>77,42</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	845.136		845.136	845.069		845.069	99,99		99,99
- Chi dân quân tự vệ	472.406		472.406	472.394		472.394	100		100
- Chi trật tự an toàn xã hội	372.730		372.730	372.676		372.676	99,99		99,99
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	69.800		69.800	69.732		69.732	99,9		99,9
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	34.968		34.968	99,91		99,91
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	60.000		60.000	59.525		59.525	99,21		99,21
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	6.775.400	6.506.000	269.400	5.587.799	5.497.831	89.968	82,47	84,5	33,4
- Giao thông	6.521.000	6.506.000	15.000	5.512.831	5.497.831	15.000	84,54	84,5	100
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	189.400		189.400	10.000		10.000	5,28		5,28
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch	5.000		5.000	5.000		5.000	100		100

- Các hoạt động kinh tế khác	60.000		60.000	59.968		59.968	99,95		99,95
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.733.765	400.000	6.333.765	5.355.570	400.000	4.955.570	79,533	100	132,71
Trong đó: Quỹ lương				4.128.157		4.128.157			
10.1. Quản lý Nhà nước	4.511.105	400.000	4.111.105	3.073.894	400.000	2.673.894	68,1406	100	65,040767
10.2. Hội đồng nhân dân	365.800		365.800	368.507		368.507	100,74		100,74
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	833.000		833.000	832.636		832.636	99,96		99,96
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	420.700		420.700	425.341		425.341	101,1		101,1
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	155.000		155.000	152.392		152.392	98,32		98,32
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	81.300		81.300	81.212		81.212	99,89		99,89
10.7. Hội Cựu chiến binh	88.000		88.000	88.556		88.556	100,63		100,63
10.8. Hội Nông dân	137.300		137.300	134.715		134.715	98,12		98,12
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	32.700		32.700	32.681		32.681	99,94		99,94
10.10. Hội Người cao tuổi	29.100		29.100	85.905		85.905	295,21		295,21
10.11. Hội khuyến học	7.392		7.392	7.364		7.364	99,62		99,62
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	72.368		72.368	72.368		72.368	100		100
11. Chi cho công tác xã hội	350.700		350.700	110.363		110.363	31,47		31,47
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	116.900		116.900	110.363		110.363	94,41		94,41
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	116.900		116.900						
- Khác	116.900		116.900						
12. Chi nộp trả NS				30.105		30.105			
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.124.961		3.124.961			



**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>13.402.108.429</b>	<b>5.973.496.143</b>	<b>6.680.620.580</b>	<b>5.897.831.020</b>	<b>1.870.322.800</b>	<b>5.897.831.020</b>	
<b>I. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>7.377.167.325</b>	<b>3.976.063.259</b>	<b>4.180.645.600</b>	<b>1.870.322.800</b>	<b>1.870.322.800</b>	<b>1.870.322.800</b>	
Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc sân UBND xã	2021	1.930.781.266		1.240.000.000	400.000.000	400.000.000	400 000 000	
Đường bê tông xóm Thịnh Lâm	2021	438.662.485	320.157.685	237.009.600	118.504.800	118 504 800	118 504 800	
Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 2)	2021	292.441.656	213.438.456	158.006.400	79.003.200	79 003 200	79 003 200	
Đường bê tông xóm Ấp Chè	2021	384.791.653	280.936.453	207.710.400	103.855.200	103 855 200	103 855 200	
Đường bê tông xóm Hòa Khê 1	2021	819.606.221	598.292.621	442.627.200	221.313.600	221 313 600	221 313 600	
Đường bê tông xóm La Đùm	2021	230.874.992	168.614.192	124.521.600	62.260.800	62 260 800	62 260 800	
Đường bê tông xóm Làng Hòa	2021	461.794.984	337.142.584	249.304.800	124.652.400	124 652 400	124 652 400	
Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 1)	2021	330.920.822	241.584.422	178.672.800	89.336.400	89 336 400	89 336 400	
Đường bê tông xóm Làng Cả	2021	407.879.152	297.745.552	220.267.200	110.133.600	110 133 600	110 133 600	
Đường bê tông xóm Văn Hán	2021	769.583.306	561.872.906	415.420.800	207.710.400	207 710 400	207 710 400	
Đường bê tông xóm Thịnh Đức 1 (giai đoạn 3)	2021	307.833.323	224.775.323	166.116.000	83.058.000	83 058 000	83 058 000	
Đường bê tông xóm La Đùm (giai đoạn 2)	2021	784.974.973	573.078.973	423.792.000	211.896.000	211 896 000	211 896 000	
Đường bê tông xóm Văn Hòa	2021	217.022.492	158.424.092	117.196.800	58.598.400	58 598 400	58 598 400	
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		<b>6.024.941.104</b>	<b>1.997.432.884</b>	<b>2.499.974.980</b>	<b>4.027.508.220</b>	<b>-</b>	<b>4.027.508.220</b>	<b>-</b>
Đường bê tông liên xóm Ba Quả - La Đàn, xã Văn Hán	2022	323.047.708	110.988.348	128 000 000	212 059 360		212.059.360	
Đường bê tông liên xóm Ba Quả - Thịnh Lâm, xã Văn Hán	2022	658.239.045	143.870.305	342 974 980	514 368 740		514.368.740	





**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Năm 2022

Đơn vị tính: nghìn đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>91.645</b>	<b>91.645</b>		<b>354.026</b>	<b>225.117</b>	<b>128.909</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>91.645</b>	<b>91.645</b>		<b>212.800</b>	<b>91.645</b>	<b>121.155</b>
+ Đối ứng cụm loa				50		50
+ Phí rừng trồng 147	4.200	4.200		4.532	4.200	332
+ Khuyến học				168		168
+ Ủng hộ phòng chống dịch covid 19	2.895	2.895		2.895	2.895	
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em	8.400	8.400		34.830	8.400	26.430
+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	53.050	53.050		66.551	53.050	13.501
+ Quỹ Vì người nghèo	17.400	17.400		87.652	17.400	70.252
+ Quỹ chữ thập đỏ	2.400	2.400		10.934	2.400	8.534
+ Quỹ chăm sóc người cao tuổi	3.300	3.300		5.189	3.300	1.889
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>				<b>141.226</b>	<b>133.472</b>	<b>7.754</b>
+ Thu hộ chi hộ				141.226	133.472	7.754



## THUYẾT MINH

**Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã Văn Hán năm 2022 được hội đồng nhân dân xã phê chuẩn**  
(Kèm theo Quyết định số: 299/QĐ – UBND ngày 09/8/2023 của UBND xã Văn Hán)

Thực hiện theo Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2022. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ, chính quyền địa phương từ huyện đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan tình hình thực hiện ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đã đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

### **1. Về cân đối ngân sách xã trên địa bàn:**

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 536,1 triệu đồng/450 triệu đồng = 119,1% dự toán.

Tổng chi ngân sách thực hiện 12.063 triệu đồng, bằng 81,12% dự toán giao

### **2. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Ngay từ đầu năm UBND xã đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, các đồng chí được giao nhiệm vụ thu ngân sách đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Tăng cường biện pháp quản lý thu ngân sách, công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế, minh bạch các chính sách thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác các nguồn thu.

- Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 536,1 triệu đồng/450 triệu đồng = 119,1% dự toán.

Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như: Thu phí lệ phí đạt 101,02%, thuế giá trị gia tăng đạt 76,94%, lệ phí trước bạ nhà đất đạt 286,93%; thuế thu nhập cá nhân 135,42% dự toán...

- Thu các loại quỹ hoạt động tài chính khác: 354,026 triệu đồng.

### **3. Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn**

UBND xã chủ động điều hành chi ngân sách theo quy định. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chính sách, chế độ. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả các khoản theo chế độ cho cán bộ, công chức, chuyên trách, bán chuyên trách, cán bộ xóm ... chi trả các khoản phụ cấp, trợ cấp theo chế độ; chi các khoản từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chính sách, chế độ.

Tổng chi ngân sách thực hiện 12.063 triệu đồng, bằng 81,12% dự toán giao

,trong đó:

+ Chi thường xuyên ngân sách đạt 6.165,195 triệu đồng/7.963,8 triệu đồng = 77,42% dự toán.

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 5.897,8 triệu/6.906 triệu = 85,4%

#### **4. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân năm 2022:**

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2022 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2022 công tác tài chính - ngân sách của xã Văn Hán gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng ...

Trong năm 2022, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, năm 2022 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.